

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2011/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 05 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy chế quản lý các đề tài,
dự án khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHHCN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 11/2007/QĐ-BKHHCN ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 12/2009/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm triển khai hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 9 năm 2011 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng để quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ (đề tài, dự án) cấp tỉnh bao gồm các nội dung sau:

- a) Tổ chức xác định Danh mục đề tài, dự án để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thông qua xét chọn thực hiện trong kế hoạch khoa học công nghệ (KH-CN) hàng năm.
- b) Tổ chức tuyển chọn, xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án.
- c) Tổ chức đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng và xử lý vi phạm đối với các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

2. Các đề tài, dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này bao gồm: Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn), dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH-CN của tỉnh.

3. Các đề tài, dự án cấp Nhà nước có sử dụng kinh phí đối ứng từ ngân sách sự nghiệp KH-CN của tỉnh thì vận dụng Quy chế này đối với những nội dung tương ứng với phần kinh phí đối ứng.

4. Các đề tài, dự án cấp cơ sở, các đề tài, dự án không sử dụng kinh phí sự nghiệp KH-CN của tỉnh được khuyến khích áp dụng Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ KH-CN là những vấn đề KH-CN cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án, chương trình KH-CN.
2. Đề tài KH-CN có nội dung chủ yếu nghiên cứu về một chủ đề KH-CN. Đề tài có thể độc lập hoặc thuộc dự án, chương trình KH-CN.

3. Dự án KHCCN có nội dung chủ yếu tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ; áp dụng, thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội. Dự án có thể độc lập hoặc thuộc chương trình KHCCN.

4. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện các đề tài, dự án thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu ở phần Phụ lục kèm theo Quy chế này. Tuyển chọn được áp dụng cho đề tài, dự án có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

5. Xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện các đề tài, dự án thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ do tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện cần thiết được giao trực tiếp chuẩn bị, trên cơ sở những yêu cầu, tiêu chí nêu ở phần Phụ lục kèm theo Quy chế này.

6. Đề tài, dự án “đặt hàng”:

a) Đề tài, dự án đặt hàng trực tiếp từ lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh để giải quyết những vấn đề cấp thiết của tỉnh, các chủ trương, chính sách, những luận cứ khoa học xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, những vấn đề về lý luận, xây dựng các chương trình mục tiêu, cơ chế chính sách quản lý kinh tế, quản lý đô thị và những vấn đề khác mang tính vĩ mô.

b) Đề tài, dự án đặt hàng từ các hội, đoàn thể, doanh nghiệp và các tổ chức khác để giải quyết những vấn đề bức xúc về KHCCN xuất hiện trong công tác quản lý, trong sản xuất và đời sống xã hội nhưng vượt quá khả năng giải quyết của các tổ chức này hoặc cần có sự hợp tác của nhiều cơ quan, tổ chức liên quan.

7. Đề tài, dự án phát sinh là đề tài, dự án cấp tỉnh được đề xuất từ các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố để giải quyết những vấn đề bức xúc về KHCCN xuất hiện trong công tác quản lý chuyên ngành, trong sản xuất và đời sống xã hội nhưng vượt quá khả năng giải quyết của các cơ quan này hoặc cần có sự hợp tác của nhiều cơ quan liên quan nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh và các đề tài, dự án xuất hiện tại các thời điểm mà kế hoạch KHCCN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý đề tài, dự án

1. Việc quản lý các đề tài, dự án thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ, bảo đảm vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và vai trò quản lý nhà nước của các Sở, Ban ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố, bảo đảm trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm đề tài, dự án và tổ chức chủ trì đề tài, dự án.

2. Hoạt động quản lý đề tài, dự án bảo đảm đề tài, dự án triển khai thực hiện thuận lợi theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã được phê duyệt.

3. Việc sử dụng kinh phí của đề tài, dự án đảm bảo đúng mục đích, có hiệu quả theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Những quy định chung về quản lý đề tài, dự án

1. Sở Khoa học và Công nghệ làm đầu mối tổng hợp Danh mục các đề xuất, đăng ký đề tài, dự án hàng năm, chủ trì tổ chức xác định Danh mục đề tài, dự án trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Việc xác định Danh mục đề tài, dự án, tuyển chọn và xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án được tổ chức hàng năm.

3. Mỗi cá nhân không đồng thời làm Chủ nhiệm hoặc đồng Chủ nhiệm quá 02 đề tài, dự án cấp tỉnh (cho đến khi nghiệm thu). Mỗi đề tài, dự án có tối đa 02 đồng Chủ nhiệm.

4. Cá nhân đăng ký tham gia làm Chủ nhiệm đề tài, dự án phải:

a) Có chuyên môn đào tạo phù hợp lĩnh vực KH-CN của đề tài, dự án.

b) Có trình độ từ đại học trở lên và đã làm việc ít nhất 5 năm trong lĩnh vực KH-CN của đề tài, dự án.

c) Có kinh nghiệm và năng lực tổ chức thực hiện đề tài, dự án và là người tham gia và đóng góp chính trong việc tạo ra kết quả của đề tài, dự án.

5. Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án phải có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực KH-CN của đề tài, dự án, đủ điều kiện về năng lực để thực hiện đề tài, dự án.

6. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều đề tài, dự án. Mỗi đề tài, dự án chỉ có một tổ chức chủ trì thực hiện.

7. Các tổ chức, cá nhân không được tham gia đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án mới khi vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 38 về xử lý vi phạm trong Quy chế này.

8. Đề tài, dự án có cùng nội dung nghiên cứu, triển khai không được đăng ký ở nhiều nơi để nhận thêm kinh phí nghiên cứu.

9. Trên cơ sở đề nghị của các tổ tư vấn xác định Danh mục các đề tài, dự án phải được bảo vệ thuyết minh trước Hội đồng KH-CN tư vấn xác định Danh mục. Thuyết minh đề tài, dự án được bảo vệ tối đa 02 lần. Nếu sau 02 lần bảo vệ không đạt, nhưng vì tính cấp thiết của đề tài, dự án, Hội đồng KH-CN tư vấn xác định Danh mục có thể đề nghị Hội đồng KH-CN tỉnh xem xét quyết định. Những tổ chức, cá

nhân đã bảo vệ 02 lần không đạt thì không được tham gia tuyển chọn đề tài, dự án đó nữa.

Điều 5. Thời gian thực hiện đề tài, dự án

Thời gian thực hiện đề tài, dự án không quá 24 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, riêng các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nghiên cứu cơ bản; nông - lâm - ngư nghiệp; y dược được triển khai không quá 36 tháng, các trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Chương II

XÁC ĐỊNH DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 6. Những cơ sở để xác định đề tài, dự án

1. Yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh, phù hợp định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ưu tiên hoặc giải quyết những vấn đề của một vùng, liên vùng có ý nghĩa đối với sự phát triển của tỉnh và phù hợp với chiến lược phát triển KH-CN của quốc gia.

2. Danh mục các chương trình KH-CN theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Đề án phát triển KH-CN của tỉnh, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh.

3. Yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ KH-CN theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất, đặt hàng để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Đề xuất của Hội đồng KH-CN tỉnh, của các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố các tổ chức KH-CN, các tổ chức khác, cá nhân và các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.

5. Đề tài, dự án phải đảm bảo có giá trị KH-CN, có tính mới, tính sáng tạo, tính tiên tiến về công nghệ, tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính khả thi và tính liên ngành.

6. Kết quả nghiên cứu dự kiến của đề tài, dự án phải có khả năng ứng dụng vào thực tiễn đời sống xã hội, sản xuất, quản lý hoặc là cơ sở để Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đóng góp cho sự phát triển của vùng và quốc gia, hoặc mang lại hệ thống lý thuyết, quy trình mới hay mở ra một hướng nghiên cứu ứng dụng mới đối với các đề tài nghiên cứu cơ bản.

7. Dự án chủ yếu tập trung triển khai kết quả nghiên cứu của các chương trình

KHCN ưu tiên, phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng, tạo ra quy trình công nghệ và sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 7. Yêu cầu đối với đề tài

1. Ý nghĩa thực tiễn

a) Trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần giải quyết có hiệu quả những vấn đề cấp thiết về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng các luận cứ khoa học, đề xuất các chính sách, mô hình, giải pháp trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

c) Tạo chuyên biên về năng suất, chất lượng, có hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Tạo tiền đề cho việc hình thành ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

2. Ý nghĩa về KHCN

a) Giải quyết các vấn đề KHCN mới ở mức đạt hoặc tiếp cận trình độ tiên tiến hơn so với địa phương hoặc trong nước; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi. Tạo ra bộ giống cây, giống con mới để đưa vào sản xuất.

b) Góp phần nâng cao năng lực KHCN của tỉnh.

c) Trong lĩnh vực xã hội nhân văn giải quyết các vấn đề mang tính lý luận cho phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo ra luận cứ khoa học để giải quyết những vấn đề xã hội mới phát sinh bảo đảm lý luận luôn phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội

a) Các tổ chức KHCN trong tỉnh và trong nước có đủ năng lực để giải quyết được trong khoảng thời gian nhất định.

b) Có khả năng huy động sự tham gia của các tổ chức KHCN, doanh nghiệp, các nhà khoa học trong tỉnh, trong nước hoặc từ nước ngoài.

c) Có địa chỉ sử dụng kết quả nghiên cứu.

Điều 8. Yêu cầu đối với dự án

1. Yêu cầu về công nghệ

a) Có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có ở Việt Nam, có khả năng

thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài.

b) Có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi.

2. Tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội

a) Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (thuyết minh rõ về khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án).

b) Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án.

c) Sản phẩm của dự án có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng).

3. Tính hợp pháp của công nghệ sử dụng

Công nghệ được sử dụng đảm bảo tính hợp pháp và có xuất xứ từ một trong các nguồn sau: kết quả của các nhiệm vụ KH-CN đã được Hội đồng KH-CN đánh giá nghiệm thu và kiến nghị áp dụng; sáng chế, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH-CN; kết quả KH-CN từ nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Điều 9. Trình tự xác định Danh mục đề tài, dự án

1. Việc xác định nhiệm vụ được bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 của hai năm trước năm kế hoạch và hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 của năm trước liền kề năm kế hoạch, căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 6 của Quy chế này, Sở Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch, xác định các hướng nghiên cứu ưu tiên trong năm, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi văn bản cho các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức KH-CN, các tổ chức khác và các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh quan tâm để đề xuất và đăng ký đề tài, dự án. Đồng thời, xin ý kiến chỉ đạo và nhận các đề tài, dự án đặt hàng của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

2. Ngay sau khi thông báo, Sở Khoa học và Công nghệ bắt đầu tổ chức tiếp nhận hồ sơ. Sau 60 ngày, kể từ ngày thông báo, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể tổ chức các tổ chuyên gia tư vấn sơ tuyển Danh mục đề tài, dự án đề xuất đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch. Danh mục đề tài, dự án đã được sơ tuyển được ghi đầy đủ: tên đề tài, dự án; mục tiêu; nội dung chủ yếu; dự kiến sản phẩm; thời gian thực hiện và tên tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện (nếu có). Đối với các đề tài, dự án qua sơ tuyển không đưa vào Danh mục đề tài, dự án đề xuất cũng lập thành Danh mục và ghi tóm tắt các ý kiến không tán thành. Thời gian sơ tuyển Danh mục đề tài, dự án là 30 ngày.

3. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ gửi hồ sơ đề tài, dự án đến tổ chức thẩm định thông tin (kể cả các đề tài, dự án liên quan đến an ninh, quốc phòng). Phiếu thẩm định thông tin sẽ cung cấp Danh mục các công trình nghiên cứu liên quan (trong và ngoài nước) đến lĩnh vực đăng ký nghiên cứu. Chi phí thẩm định thông tin từ nguồn chi phí quản lý đề tài, dự án của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng KHCN tư vấn xác định Danh mục đề tài, dự án đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch và tổ chức họp các Hội đồng KHCN tư vấn xác định Danh mục đề tài, dự án.

Phiếu thẩm định thông tin được gửi cho các thành viên trong Hội đồng KHCN tư vấn xác định Danh mục đề tài, dự án và Chủ nhiệm đề tài, dự án tham khảo trước khi tổ chức cuộc họp hội đồng.

Trên cơ sở kết luận của các Hội đồng KHCN tư vấn xác định Danh mục đề tài, dự án, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng KHCN tỉnh thông qua Danh mục đề tài, dự án đề xuất và các đề tài, dự án đặt hàng bao gồm cả đề xuất hình thức tuyển chọn, xét chọn hoặc giao trực tiếp trước khi trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt. Thời gian tư vấn xác định Danh mục đề tài, dự án là 60 ngày.

5. Đối với các đề tài, dự án phát sinh, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng KHCN tỉnh tư vấn xác định Danh mục đề tài, dự án phát sinh, trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục đề tài, dự án phát sinh. Các đề tài, dự án phát sinh có thể đặt hàng trực tiếp cho nhà khoa học hoặc tổ chức hội đồng xét duyệt như những đề tài khác.

6. Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp tác với các Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức KHCN trong toàn quốc để nghiên cứu và triển khai các đề tài, dự án phục vụ phát triển vùng, miền và cả nước trên nguyên tắc các bên đều có lợi.

7. Những đề tài thuộc loại tối mật và tuyệt mật về quốc phòng, an ninh và một số ngành khác có quy định độ mật sẽ được đưa vào Danh mục riêng.

Chương III

TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 10. Nguyên tắc tuyển chọn, xét chọn

1. Việc tuyển chọn phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định có thể đăng ký tham gia.

2. Việc xét chọn được thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân dự kiến giao trực tiếp chủ trì các đề tài, dự án.

3. Việc tuyển chọn, xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng KH-CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn.

4. Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể nêu ở phần Phụ lục kèm theo Quy chế này.

5. Mỗi đề tài, dự án đưa ra tuyển chọn, xét chọn khi đáp ứng điều kiện quy định tại Quy chế này thì chỉ có nhiều nhất 01 hồ sơ được đề nghị trúng tuyển.

6. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện đề tài, dự án giữa các tổ chức, các cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ.

Điều 11. Điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài, dự án có quyền tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài, dự án.

2. Cá nhân đăng ký tuyển chọn làm Chủ nhiệm đề tài, dự án phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có chuyên môn đào tạo phù hợp, trình độ đại học trở lên và đang hoạt động trong cùng chuyên ngành khoa học công nghệ với đề tài, dự án trong 5 năm gần đây, tính từ thời điểm nộp hồ sơ.

b) Là người đề xuất ý tưởng chính và chủ trì tổ chức xây dựng thuyết minh đề tài, dự án.

c) Bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của đề tài, dự án.

3. Cá nhân không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì đề tài, dự án nếu đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ:

a) Đang chủ trì từ 02 đề tài, dự án cấp tỉnh trở lên, kể cả trường hợp đã có Biên bản nghiệm thu, đánh giá nhưng ở mức “Không đạt”.

b) Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các dự án độc lập, các dự án thuộc chương trình KH-CN, dự án sản xuất thử nghiệm thuộc dự án KH-CN và các dự án nhập công nghệ đã được giao.

4. Xác nhận điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn

Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xác nhận các điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này khi mở hồ sơ.

Điều 12. Trình tự tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án**1. Thông báo tuyển chọn, xét chọn đề tài dự án**

a) Thông báo tóm tắt về việc tuyển chọn đề tài, dự án trên Báo Quảng Trị và Đài truyền hình Quảng Trị; thông báo chi tiết được đăng đầy đủ trên Báo Khoa học và Phát triển, trên Trang Tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://www.dostquangtri.gov.vn>).

b) Thông báo về việc xét chọn đề tài, dự án được thực hiện bằng phương thức gửi văn bản đến các tổ chức được giao trực tiếp chuẩn bị hồ sơ. Biểu mẫu hồ sơ theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ được gửi kèm theo thông báo.

2. Nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn

a) Nơi nhận hồ sơ: Theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Hình thức nộp hồ sơ: Gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

c) Thời hạn nộp hồ sơ: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

d) Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

4. Tổ chức đánh giá hồ sơ

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng KH-CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án. Mỗi hội đồng chỉ thực hiện tư vấn cho một đề tài, dự án. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án phải bảo vệ thuyết minh khi hội đồng có yêu cầu. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH-CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án được quy định tại Điều 29 của Quy chế này.

b) Việc đánh giá các hồ sơ tuyển chọn, xét chọn được thông qua Hội đồng KH-CN bằng phương pháp chấm điểm theo tiêu chí đánh giá nêu ở phần Phụ lục kèm theo Quy chế này, kết quả được lập thành Biên bản.

5. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn

a) Trên cơ sở Biên bản kết luận của các Hội đồng KH-CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

b) Căn cứ quyết định phê duyệt trúng tuyển, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả tuyển chọn, xét chọn đến tổ chức, cá nhân trúng tuyển. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh thuyết minh đề tài, dự án theo quy định trong thời hạn không quá 15 ngày tính từ ngày nhận được quyết định phê duyệt trúng tuyển.

Chương IV

PHÊ DUYỆT, KIỂM TRA, NGHIỆM THU, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 13. Thẩm định, phê duyệt nội dung, kinh phí thực hiện các đề tài, dự án

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Tổ thẩm định nội dung và kinh phí các đề tài, dự án. Thời gian hoàn thành công việc thẩm định không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Những đề tài, dự án có kinh phí từ 300 triệu đồng trở lên (thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) và 600 triệu đồng (thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ) hoặc các đề tài, dự án phức tạp, căn cứ xây dựng dự toán chưa rõ và các đề tài, dự án khác thấy cần thiết thì Tổ thẩm định nội dung và kinh phí phải gồm các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực KH-CN của đề tài, dự án, các chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính và các nhà doanh nghiệp có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực liên quan đến đề tài, dự án cần thẩm định.

3. Đề tài, dự án đặt hàng không sử dụng hoặc sử dụng một phần kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh thì tổ chức đặt hàng có trách nhiệm cử người đại diện có thẩm quyền và chuyên môn tham gia Tổ thẩm định nội dung và kinh phí.

4. Trên cơ sở kết quả thẩm định, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án chỉnh sửa hồ sơ và gửi cho Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định. Hồ sơ đề tài, dự án được lập thành 10 bộ, thuyết minh chính thức của các đề tài, dự án phải được cơ quan chủ quản và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

5. Trên cơ sở Biên bản làm việc của các Tổ thẩm định nội dung và kinh phí đề tài, dự án, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt kinh phí, tổ chức, cá nhân chủ trì, thời gian thực hiện các đề tài, dự án.

6. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo đến tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ và tổ chức ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong thời hạn không quá 15 ngày tính từ ngày thông báo.

Điều 14. Hợp đồng tổ chức thực hiện đề tài, dự án

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt kinh phí, tổ chức, cá nhân chủ trì, thời gian thực hiện các đề tài, dự án và thuyết minh chính thức của các đề tài, dự án, Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Đối với các đề tài, dự án đặt hàng không sử dụng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh thì tổ chức, cá nhân đặt hàng ký hợp đồng trực tiếp hoặc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án theo pháp luật Việt Nam hoặc đảm bảo theo thông lệ quốc tế nếu tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án có pháp nhân nước ngoài.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án tổ chức triển khai thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký.

Điều 15. Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ quá trình thực hiện đề tài, dự án

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án phải báo cáo tiến độ thực hiện đề tài, dự án 6 tháng/lần theo nội dung của hợp đồng.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng KHCN tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện giữa kỳ của từng đề tài, dự án trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, nội dung nghiên cứu và tiến độ thực hiện.

3. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng KHCN tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện giữa kỳ được quy định tại Điều 30 của Quy chế này. Hội đồng có thành viên bắt buộc là đại diện tổ chức đặt hàng (nếu là đề tài, dự án đặt hàng) và tổ chức tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu.

4. Đề tài, dự án chỉ được cấp tiếp kinh phí thực hiện khi được Hội đồng KHCN tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện giữa kỳ đồng ý thông qua kết quả thực hiện của giai đoạn trước.

Trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá nếu phát hiện tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án không thực hiện đúng các nội dung đã được phê duyệt, hợp đồng ký kết; sử dụng kinh phí không đúng mục đích thì Hội đồng KHCN tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kiến nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định.

Điều 16. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án

1. Nghiệm thu cấp cơ sở

Chậm nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn của đề tài, dự án ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có), Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp cho cơ quan, tổ chức chủ trì hồ sơ đánh giá cấp cơ sở.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chủ trì thành lập Hội đồng KHCN cơ sở để tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở.

2. Nghiệm thu cấp tỉnh

a) Trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Chủ nhiệm, cơ quan, tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng KHCN nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện các đề tài, dự án.

c) Hội đồng KHCN nghiệm thu, đánh giá chỉ tiến hành nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án khi hồ sơ nghiệm thu có đủ các tài liệu theo quy định.

d) Biên bản nghiệm thu của Hội đồng KHCN nghiệm thu, đánh giá là văn bản có giá trị pháp lý về việc đánh giá chất lượng và công nhận sự hoàn tất của đề tài, dự án. Hội đồng KHCN nghiệm thu, đánh giá có trách nhiệm đề xuất hướng nghiên cứu tiếp tục hoặc ứng dụng triển khai đề tài, dự án.

Điều 17. Đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng thực hiện đề tài, dự án

1. Giám đốc Sở KHCN xem xét, quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng khi tổ chức, cá nhân chủ trì vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Các điều kiện quy định trong hợp đồng (cơ sở vật chất, nguồn nhân lực thực hiện...) không đáp ứng yêu cầu, dẫn đến không có khả năng hoàn thành hợp đồng.

b) Thực hiện không đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng.

c) Sử dụng kinh phí sai mục đích.

d) Khi tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án vi phạm pháp luật.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định hủy bỏ hợp đồng và báo cáo UBND tỉnh việc hủy bỏ hợp đồng trong trường hợp việc thực hiện nhiệm vụ KHCN của tổ chức, cá nhân gặp các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến không thể thực hiện hợp đồng.

3. Căn cứ quyết định đình chỉ hoặc hủy bỏ thực hiện hợp đồng, tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án tiến hành các thủ tục thanh, quyết toán hợp đồng theo các điều khoản đã ký giữa các bên và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thể tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, bắt buộc phải thanh lý hoặc nộp trả kinh phí về ngân sách nhà nước thì Sở Khoa học và Công nghệ phải thành lập Hội đồng thanh lý. Hội đồng thanh lý gồm: đại diện các phòng chuyên môn liên quan của Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện Sở Tài chính;

đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì; Chủ nhiệm đề tài; Chủ tịch hội đồng; ủy viên phản biện, đại diện cơ quan đặt hàng (nếu có) và một số nhà khoa học đã tham gia Hội đồng KHCVN tuyển chọn, xét chọn hoặc Hội đồng KHCVN tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá đề tài, dự án.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ Biên bản họp Hội đồng thanh lý ra Quyết định thanh lý hoặc đình chỉ thực hiện đề tài, dự án và thu hồi kinh phí.

Điều 18. Công nhận kết quả nghiên cứu

1. Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng KHCVN nghiệm thu, đánh giá và sau khi thanh lý hợp đồng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, công bố kết quả nghiên cứu. Các nội dung công bố có thể là từng phần hoặc toàn bộ kết quả nghiên cứu, kể cả những nội dung nghiên cứu còn đang được trao đổi và theo các ý kiến riêng của tác giả. Kết quả nghiên cứu có thể được công bố dưới nhiều hình thức khác nhau: các bài báo đăng trên tập san, tạp chí; các báo cáo khoa học đăng trong tuyển tập san khoa học chuyên ngành, các sách chuyên khảo.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu nhanh chóng đưa các kết quả nghiên cứu của mình vào ứng dụng rộng rãi trong sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 19. Đăng ký kết quả thực hiện đề tài, dự án

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án có sử dụng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh, sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu, phải tiến hành đăng ký kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án đăng ký kết quả nghiên cứu và tổ chức lưu giữ kết quả nghiên cứu theo Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2009 về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 20. Xác nhận sản phẩm khoa học

Đối với các đề tài, dự án không sử dụng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KHCVN tỉnh, nhưng có đề nghị xác nhận sản phẩm khoa học thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng KHCVN nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu. Chi phí cho Hội đồng nghiệm thu do người yêu cầu hoặc nơi yêu cầu chi trả, những trường hợp đặc biệt phải có ý kiến của UBND tỉnh.

Chương V

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, TRIỂN KHAI

Điều 21. Xác định quyền sở hữu

1. Tất cả các đề tài, dự án nghiên cứu sử dụng 100% kinh phí từ ngân sách tỉnh thì các kết quả nghiên cứu và các đối tượng thuộc quyền sở hữu của UBND tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý toàn bộ kết quả nghiên cứu phát sinh từ các đề tài, dự án nghiên cứu này và đứng tên chủ thể quyền hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân có liên quan đứng tên chủ thể quyền khi xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

2. Những đề tài, dự án sử dụng một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh nếu không có thỏa thuận khác thì các kết quả nghiên cứu và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu chung của các bên tham gia đóng góp kinh phí. Phần sở hữu được xác định theo tỷ lệ đóng góp của các bên.

3. Việc xác định quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh phải được thực hiện theo quy định của Luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ, đồng thời phải được thể hiện trong bản hợp đồng nghiên cứu khoa học giữa các bên.

Điều 22. Xác lập quyền, khai thác sử dụng và chuyển giao công nghệ

1. Chủ sở hữu (được quy định tại Điều 21 của Quy chế này) phải chủ động tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu của mình trong trường hợp các đối tượng đó chỉ phát sinh quyền khi đăng ký. Khi tiến hành các thủ tục xác lập quyền, người nộp đơn là chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu ủy quyền.

2. Người được chủ sở hữu ủy quyền phải là người có liên quan đến quá trình thực hiện đề tài, dự án. Người được ủy quyền khi tiến hành thủ tục xác lập quyền chỉ được thực hiện những nội dung đã được người ủy quyền cho phép. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những nội dung vượt quá ủy quyền thì bên nhận ủy quyền phải thông báo cho bên chủ sở hữu biết và chỉ được thực hiện những nội dung này nếu được chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.

3. Các kết quả nghiên cứu đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ thì chủ sở hữu và chủ thể quyền có toàn quyền khai thác, sử dụng hoặc cho phép người khác khai thác, sử dụng. Việc cho phép phải được thể hiện bằng văn bản và phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Đối với các kết quả nghiên cứu không xác lập quyền sở hữu trí tuệ, việc khai thác, sử dụng được thực hiện theo Điều 19 của Quy chế này.

5. Tổ chức, cá nhân khác nếu khai thác, sử dụng các kết quả nghiên cứu đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ đều phải xin phép chủ thể quyền, trừ trường hợp các tác phẩm được quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Luật Sở hữu trí tuệ.

6. Đối với các kết quả nghiên cứu sử dụng 100% kinh phí từ ngân sách tỉnh, tùy theo nhu cầu thực tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể kiến nghị UBND tỉnh cho phép chuyển giao quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh cho các bên tham gia hoặc cho một bên thứ ba để tạo thuận lợi cao nhất cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhưng việc chuyển giao phải được tiến hành theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 23. Phân chia lợi ích

1. Trong quá trình khai thác, sử dụng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ mà phát sinh lợi nhuận, người khai thác phải thực hiện các nghĩa vụ đối với tác giả, chủ thể quyền và chủ sở hữu theo thỏa thuận. Việc thỏa thuận phải được thể hiện trong bản hợp đồng khoa học giữa các bên và phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp người khai thác quyền không thực hiện nghĩa vụ, chủ sở hữu, chủ thể quyền và tác giả có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

1. Bất kể người nào sử dụng kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ mà không được chủ thể quyền cho phép và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Luật Sở hữu trí tuệ đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền phải nhanh chóng tìm biện pháp để tự bảo vệ hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình theo đúng quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan nếu phát hiện các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm đều phải thông báo cho chủ thể quyền để chủ thể quyền tìm biện pháp thích hợp để ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 25. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập và bổ nhiệm danh sách thành viên các Ban Điều hành chương trình KHCCN của tỉnh.

2. Là cơ quan thường trực của Hội đồng KHCCN tỉnh, làm đầu mối trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục nhiệm vụ KHCCN hàng năm.

3. Xây dựng và ban hành quy định về phương thức và quy trình làm việc của từng Hội đồng KHCCN (tư vấn xác định Danh mục, tư vấn tuyển chọn, xét chọn, tư vấn kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án), của các Tổ thẩm định nội dung, kinh phí theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Tổ chức tuyển chọn, xét chọn và phê duyệt các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án cấp tỉnh. Theo dõi, kiểm tra thực hiện, tổ chức nghiệm thu, đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phê duyệt số liệu quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng theo Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tổ chức hướng dẫn chi tiết, thực hiện thống nhất các thủ tục, hồ sơ đề xuất và đăng ký đề tài, dự án; tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án; nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ trong từng giai đoạn cụ thể.

6. Chủ trì, phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KHCCN và đề xuất khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCCN.

7. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KHCCN định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCCN trên địa bàn tỉnh.

Điều 26. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban Điều hành chương trình

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển KHCCN, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, của tỉnh theo kế hoạch 5 năm và các nhiệm vụ, yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn công tác quản lý của tỉnh xây dựng mục tiêu và nội dung hoạt động của chương trình theo kế hoạch 5 năm và hàng năm.

2. Xây dựng các mục tiêu, định hướng nghiên cứu và dự kiến sản phẩm khoa học của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể hàng năm.

3. Tổ chức theo dõi tình hình thực hiện đề tài, dự án trong phạm vi chương trình, tham gia tư vấn tuyển chọn, xét chọn, xét duyệt, nghiệm thu, đánh giá đề tài, dự án và giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ điều hành các hoạt động của chương trình, báo cáo về tình hình hoạt động của chương trình hàng năm và 5 năm.

Điều 27. Trách nhiệm của các tổ chức đặt hàng

Đối với các đề tài, dự án đặt hàng của các tổ chức đặt hàng tại Điều b, Khoản 6, Điều 2 Quy chế này, tổ chức đặt hàng có trách nhiệm:

1. Xác định được tên đề tài, dự án cần nghiên cứu; mục tiêu; sản phẩm dự kiến của đề tài, dự án và các tiêu chí cần đạt.
2. Cử thành viên trong Ban lãnh đạo (hoặc cán bộ chuyên trách) tham gia các Hội đồng KH-CN liên quan và phối hợp cùng Sở Khoa học và Công nghệ tham gia giám sát quá trình thực hiện đề tài, dự án để kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh.
3. Đảm bảo kinh phí thực hiện đề tài, dự án.
4. Tiếp nhận và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu.
5. Báo cáo định kỳ 6 tháng/lần về tiến độ và hiệu quả triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì đề tài, dự án

1. Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án phải ký xác nhận và theo dõi hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Thủ trưởng các tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc theo dõi và kiểm tra việc thực hiện đề tài, dự án do tổ chức mình thực hiện; có trách nhiệm giám sát chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng thời gian quy định. Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả của đề tài, dự án; nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án phải cử người có thẩm quyền tham dự trong các buổi họp của hội đồng tuyển chọn, xét chọn, kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá đề tài, dự án.

2. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm trong việc thu hồi kinh phí của đề tài, dự án khi bị kiểm tra, đình chỉ thực hiện đề tài, dự án theo quy định về chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án được sử dụng chi phí quản lý của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm đề tài, dự án

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện theo đúng các điều khoản cam kết trong hợp đồng.

2. Chủ nhiệm đề tài, dự án được quyền chủ động sử dụng kinh phí được cấp theo chế độ khoán kinh phí hiện hành và điều hòa nhân sự để triển khai thực hiện đề tài, dự án; có trách nhiệm nộp kinh phí thu hồi theo đúng hợp đồng đã ký, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán đề tài, dự án theo đúng quy định hiện hành.

3. Sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu, Chủ nhiệm đề tài, dự án phải đăng ký kết quả thực hiện và giao nộp sản phẩm nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ, có kế hoạch triển khai tiếp tục kết quả nghiên cứu và có thể tiến hành các thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu (khi có ủy quyền nếu nhận 100% kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH-CN của tỉnh).

Điều 30. Trách nhiệm, quyền hạn của các Hội đồng KH-CN (tư vấn xác định Danh mục, tuyển chọn, xét chọn, kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án) gọi tắt là Hội đồng.

1. Hội đồng có số thành viên (số lẻ) từ 05 - 11 người, do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia khoa học, các nhà hoạt động xã hội, nhà quản lý có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực KH-CN được giao tư vấn.

2. Mỗi Hội đồng có một Chủ tịch, có thể có một hoặc hai Phó Chủ tịch, có hai thành viên phản biện, một thành viên thư ký, các thành viên khác và đại diện của cơ quan đặt hàng hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu. Thành viên của Hội đồng là cán bộ làm công tác quản lý KH-CN, các chuyên gia chuyên ngành hoặc các nhà quản lý, nhà khoa học am hiểu sâu trong lĩnh vực KH-CN của Hội đồng xem xét. Trường hợp thật cần thiết có thể có hai phản biện kín do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ định.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các thành viên Hội đồng có trách nhiệm đánh giá khách quan, trung thực đề cương đề tài, dự án (thuyết minh khoa học), kết quả của đề tài, dự án. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về lĩnh vực được giao tư vấn. Các thành viên của Hội đồng phải có ý kiến nhận xét và đánh giá tương ứng bằng văn bản trong mỗi lần họp và phải chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

4. Mỗi thành viên Hội đồng phải được cung cấp đủ hồ sơ của đề tài, dự án tùy theo mỗi lần họp và phải có đủ thời gian để nghiên cứu, ít nhất là 05 ngày trước khi họp hội đồng.

5. Những người tham gia chủ chốt, những người thuộc gia đình (cha, mẹ, vợ, con) của Chủ nhiệm và những người tham gia chủ chốt trong đề tài, dự án không

được là thành viên trong Hội đồng tuyển chọn, xét chọn, kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án.

6. Hội đồng chỉ tiến hành làm việc khi có mặt Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch), và ít nhất 2/3 số thành viên trở lên. Cơ quan đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án; cơ quan đặt hàng (nếu có) phải cử người đại diện có thẩm quyền tham dự. Hội đồng đánh giá bằng cách bỏ phiếu kín.

Điều 31. Trách nhiệm triển khai kết quả nghiên cứu khoa học

1. Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm công bố kết quả nghiên cứu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và các đơn vị, tổ chức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án (trừ những đề tài có độ mật và tối mật phục vụ quốc phòng, an ninh và một số ngành khác theo quy định của pháp luật). Các đề tài, dự án đặt hàng từ các hội, đoàn thể, doanh nghiệp, tổ chức khác... khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức bàn giao kết quả nghiên cứu cho các đơn vị đặt hàng, chậm nhất là 30 ngày sau khi Chủ nhiệm đề tài, dự án được nghiệm thu nộp báo cáo đã được chỉnh sửa theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu, đánh giá. Các tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, dự án và tổ chức đặt hàng có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng/lần về việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ (cho đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể đạt hay không đạt). Chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ tổ chức ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu.

Điều 32. Quyền lợi của những tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học

1. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc phân chia lợi nhuận được thỏa thuận cụ thể trong từng hợp đồng khoa học và triển khai công nghệ giữa các bên, nếu không có thỏa thuận thì phân chia lợi nhuận theo tỉ lệ đóng góp của các bên trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thì các bên phải thực hiện nghĩa vụ thu hồi kinh phí đầu tư theo các quy định của pháp luật hiện hành trước khi tiến hành phân chia lợi nhuận.

Chương VII QUẢN LÝ KINH PHÍ

Điều 33. Phê duyệt phân bổ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh quyết định giao nhiệm vụ và bố trí kinh phí sự nghiệp KHCN hàng năm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Hàng năm căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí và cấp kinh phí sự nghiệp KHCN về Sở Khoa học và Công nghệ theo Quyết định của UBND tỉnh.

Điều 34. Quản lý và sử dụng kinh phí

1. Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp KHCN được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh.

2. Dự toán kinh phí cho từng đề tài, dự án sẽ do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định và phê duyệt theo đúng chế độ và định mức quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh.

3. Kinh phí cho mỗi kỳ họp Hội đồng KHCN tỉnh, các Hội đồng KHCN tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN hàng năm, được chi theo quy định hiện hành từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh.

4. Kinh phí cho hoạt động của Ban Điều hành các chương trình KHCN, các kỳ họp Hội đồng KHCN tư vấn tuyển chọn, xét chọn, kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá đề tài, dự án, các Tổ thẩm định nội dung, kinh phí, được chi theo quy định hiện hành từ kinh phí quản lý các chương trình, đề tài, dự án.

5. Kinh phí quản lý đề tài, dự án cho tổ chức chủ trì được dùng chi cho công tác kế toán của đề tài, dự án và phục vụ quản lý chung của đề tài, dự án theo quy định của Nhà nước.

Điều 35. Quyết toán kinh phí và giao nộp sản phẩm

1. Kinh phí đề tài, dự án được cấp cho mỗi giai đoạn phải được quyết toán với Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ thực hiện và tuân thủ theo các quy định về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ KHCN của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và của UBND tỉnh ban hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quyết toán kinh phí với Sở Tài chính. Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm quyết toán kinh phí của đề tài, dự án vào cuối kỳ kế hoạch hàng năm với Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Đề tài, dự án chỉ được cấp tiếp kinh phí khi đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí cấp lần trước. Kinh phí thực hiện của mỗi đề tài, dự án được giữ lại từ 10% - 20% trên tổng kinh phí, phần này sẽ được cấp sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu, đánh giá với kết quả đạt trở lên.

4. Đề tài, dự án sau khi nghiệm thu, nhận kinh phí lần cuối phải được quyết toán kinh phí sau cùng với Sở Khoa học và Công nghệ, chậm nhất là 01 tháng và phải giao nộp toàn bộ kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ theo hợp đồng đã được ký kết.

5. Những đề tài, dự án không nhận 100% kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH-CN của tỉnh, chỉ nhận kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (dưới 100 triệu đồng) sau khi nghiệm thu 01 năm phải chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các đơn vị khác hoặc công bố rộng rãi. Ngân sách tỉnh không hỗ trợ một tổ chức quá 02 lần trong 3 năm.

6. Các sản phẩm của đề tài, dự án và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài, dự án (nếu có) phải được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành trước khi thanh lý hợp đồng.

Điều 36. Thu hồi kinh phí đối với các dự án sản xuất thử nghiệm

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh mức thu hồi kinh phí từ các dự án sản xuất thử nghiệm, dự án chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học từ nước ngoài được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí (không quá 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới) căn cứ Biên bản kết luận và đề xuất của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện dự án.

Chương VIII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 37. Khen thưởng

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc tổ chức xét thưởng, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, trao giải thưởng khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, đề tài, dự án.

2. Đối với các đề tài, dự án hoàn thành đúng hạn và vượt mức nhiệm vụ đặt ra, tạo nên những kết quả khoa học và công nghệ xuất sắc sẽ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng hiện hành.

3. UBND tỉnh khen thưởng thích đáng, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện những công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 38. Xử lý vi phạm

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án quá hạn 12 tháng chưa tổ chức nghiệm thu, chưa quyết toán (không chứng minh được lý do chính đáng) sẽ không được đăng ký thực hiện đề tài, dự án trong 02 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

2. Cơ quan, tổ chức có 03 đề tài, dự án quá hạn hoặc không quyết toán kinh phí trên 18 tháng trở lên, không được đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án trong 02 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện đề tài, dự án nếu vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, UBND tỉnh quyết định hình thức xử lý như khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ thực hiện đề tài, dự án, thu hồi kinh phí, buộc phải bồi thường thiệt hại trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án theo Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tỉnh, trên cơ sở kiến nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Cường

Phụ lục I**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ****Phần I****ĐÁNH GIÁ THUYẾT MINH ĐỀ TÀI**

(Tối đa 100 điểm), theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây:

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI	10
1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu đề tài so với yêu cầu đặt ra (định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)	5
2. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước để đặt ra mục tiêu đề tài	5
II. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ LUẬN GIẢI VỀ NHỮNG NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI CẦN THỰC HIỆN ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU ĐỀ RA	20
3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5
4. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài	5
5. Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của đề tài để đạt được mục tiêu đề ra	5
6. Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của đề tài	5
III. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, KỸ THUẬT SỬ DỤNG	15
7. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5
8. Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra	5
9. Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng	5

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
IV. SẢN PHẨM KHCN CỦA ĐỀ TÀI	20
10. Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra	5
11. Mức độ làm rõ sản phẩm chính của đề tài	5
12. Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ khoa học và công nghệ của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài	5
13. Tính khả thi của sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; của công trình dự kiến công bố trong nước và nước ngoài và của việc đào tạo trên đại học thông qua việc thực hiện đề tài	5
V. KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG CÁC SẢN PHẨM ĐỀ TÀI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	15
14. Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng, ... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại)	5
15. Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu và các địa chỉ dự kiến áp dụng	5
16. Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu	5
VI. TÍNH KHẢ THI CỦA PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI	20
17. Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp với các tổ chức trong nước và hợp tác quốc tế để thực hiện các nội dung nghiên cứu của đề tài	5
18. Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để thực hiện đề tài	5
19. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài; tính hợp lý trong việc bố trí kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	5
20. Đánh giá chung về tính logic, hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của thuyết minh đề tài	5
Tổng số	100

Phần II
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI - CÁC TIÊU CHÍ KHUYẾN KHÍCH
 (Tối đa 14 điểm), theo 02 nhóm tiêu chí dưới đây:

1. Kết quả hoạt động KHCN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài xét trong 5 năm gần đây (tối đa 08 điểm):

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (theo Danh mục các tạp chí được Viện ISI công nhận)	2
2. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều giải pháp kỹ thuật, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3
3. Có Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KHCN	3

2. Đóng góp cho sản xuất và đời sống (về khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài), xét trong 5 năm gần đây (tối đa 06 điểm):

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống (được cấp có thẩm quyền xác nhận, có địa chỉ ứng dụng cụ thể)	3
2. Chủ trì hoặc tham gia chính các dự án sản xuất thử nghiệm thành công trên cơ sở triển khai kết quả nghiên cứu đề tài KHCN từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên (có xác nhận của cơ quan quản lý KHCN)	3

Điều kiện trúng tuyển:

- Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí trong Phần I đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 03 điểm và phải được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm từ 03 trở lên. Hội đồng xếp hạng các hồ sơ đăng ký có tổng số điểm đánh giá của Phần I và Phần II từ cao xuống thấp;

- Đối với các hồ sơ có tổng số điểm đánh giá của Phần I và Phần II bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn.

Phụ lục II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN

Đánh giá thuyết minh dự án (tối đa 100 điểm), theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây:

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. GIÁ TRỊ CÔNG NGHỆ CỦA DỰ ÁN	20
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ là xuất xứ	5
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của dự án (các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5
4. Tính hợp lý của quy mô dự án	5
II. TÍNH KHẢ THI CỦA PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN	20
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	5
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KHCN và doanh nghiệp	5
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...)	5
III. ĐẦU TƯ VÀ LỢI ÍCH TRỰC TIẾP CỦA DỰ ÁN	20
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện dự án	5

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án	5
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...)	5
IV. KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HÓA SẢN PHẨM VÀ TÁC ĐỘNG LÂU DÀI CỦA DỰ ÁN SAU KHI KẾT THÚC	20
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của dự án	5
14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án	5
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (giá thành, chất lượng,...)	5
16. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án, tự tổ chức sản xuất - kinh doanh, thành lập doanh nghiệp KHCN	5
V. NĂNG LỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	20
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KHCN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì dự án	5
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	5
19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực, ...)	5
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của thuyết minh dự án	5
Tổng cộng	100

Điều kiện trúng tuyển:

- Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí phải đạt từ 65/100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 03 điểm và phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 03 trở lên;

- Đối với các hồ sơ có tổng số điểm đánh giá bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn.

Phụ lục III

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN

Phần I

ĐÁNH GIÁ THUYẾT MINH ĐỀ TÀI

(Tối đa 80 điểm)

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI	5
1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu đề tài so với yêu cầu đặt ra (định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)	5
II. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI	15
2. Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ và rõ ràng mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước có liên quan	7
3. Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài	8
III. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG, PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI	30
4. Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu đề đạt được mục tiêu đề ra	15
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu và kế hoạch thực hiện của đề tài	5
6. Tính hợp lý, khả thi, rõ ràng của phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia thực hiện đề tài	5

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
7. Luận giải về việc phân bố và sử dụng hợp lý kinh phí cho các nội dung nghiên cứu và các hoạt động của đề tài, cho sản phẩm của đề tài	5
IV. CÁCH TIẾP CẬN ĐỀ TÀI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	10
8. Cách tiếp cận đề tài rõ ràng, thích hợp với đối tượng nghiên cứu	5
9. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đối tượng, nội dung nghiên cứu của đề tài	5
V. KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG CÁC SẢN PHẨM ĐỀ TÀI, LỢI ÍCH CỦA ĐỀ TÀI VÀ PHƯƠNG ÁN CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	20
10. Các sản phẩm và yêu cầu khoa học của từng sản phẩm rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài	5
<p>11. Lợi ích của đề tài, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, hoàn thiện chính sách, xây dựng pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới); + Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài (dự kiến có các công trình công bố ở trong nước và ngoài nước và dự kiến có đóng góp cho đào tạo trên đại học). 	10
12. Tính cụ thể và khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu của đề tài	5
Tổng số	80

Phần II
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN THỰC HIỆN ĐỀ TÀI
 (Tối đa 20 điểm)

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. NĂNG LỰC, UY TÍN VỀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VÀ KINH NGHIỆM TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	9
1. Có công trình nghiên cứu công bố ở trong nước và ngoài nước (sách chuyên khảo, bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành)	4
2. Có kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào việc xây dựng chủ trương, chính sách, xây dựng pháp luật, phục vụ công tác giảng dạy hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội	3
3. Chủ trì các đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh (trong 5 năm gần đây) đạt kết quả khá (hoặc tương đương) trở lên	2
II. NĂNG LỰC CỦA CÁC CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH ĐỀ TÀI	6
III. NĂNG LỰC CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI	3
IV. NĂNG LỰC CỦA CÁC TỔ CHỨC PHỐI HỢP CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI	2
Tổng số	20

Điều kiện trúng tuyển:

Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Được xếp hạng với điểm cao nhất;
- Có tổng số điểm trung bình đạt tối thiểu 70/100 điểm, trong đó điểm trung bình của phần nội dung thuyết minh đề tài đạt tối thiểu 60/80 điểm và điểm trung bình của phần năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài đạt tối thiểu 10/20 điểm.